

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 257/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trịnh Văn T**, sinh năm 1991

Bị đơn: Chị **Hoàng Thị T1**, sinh năm 1996

Địa chỉ : **Xóm P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/10/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Trịnh Văn T** và chị **Hoàng Thị T1**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Anh **Trịnh Văn T** và chị **Hoàng Thị T1** tự nguyện thuận tình

ly hôn.

* Về con chung: Anh **Trịnh Văn T** và chị **Hoàng Thị T1** có 01 con chung là cháu **Trịnh Minh K**, sinh ngày 30/11/2020.

Hai bên thống nhất thỏa thuận:

Chị **Hoàng Thị T1** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **Trịnh Minh K**, sinh ngày 30/11/2020. Anh **Trịnh Văn T** cấp dưỡng nuôi cháu **K** mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi cháu **K** thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Anh **Trịnh Văn T** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản và công nợ chung: Tài sản và công nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Anh **Trịnh Văn T** chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn là 150.000 đồng và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2021/0016356 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Anh **Trịnh Văn T** đã nộp đủ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P.kiểm tra nghiệp vụ và THA TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Dương sự;
- UBND xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Đăng Tuấn